

BẢNG SO SÁCH ĐIỂM CHUẨN TUYỂN SINH VÀO LỚP 10

STT	TÊN TRƯỜNG	QUẬN	ĐIỂM NV1 2019-2020	ĐIỂM NV1 2018-2019	ĐIỂM TĂNG/GIẢM
1	THPT Trung Vương	1	32	34.75	-2.75
2	THPT Bùi Thị Xuân	1	34.25	36.75	-2.5
3	THPT Ten Lơ Man	1	27.75	29.25	-1.5
4	THPT Năng Khiếu TDTT	1	20	22.25	-2.25
5	THPT Lương Thế Vinh	1	32.25	34.25	-2
6	THPT Giồng Ông Tố	2	26.5	27	-0.5
7	THPT Thủ Thiêm	2	22.25	22.5	-0.25
8	THPT Lê Quý Đôn	3	34.5	36.25	-1.75
9	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	3	36.25	38	-1.75
10	THPT Lê Thị Hồng Gấm	3	22.25	24.75	-2.5
11	THPT Marie Curie	3	29.25	33	-3.75
12	THPT Nguyễn Thị Diệu	3	24.75	28.25	-3.5
13	THPT Nguyễn Trãi	4	22.5	22.75	-0.25
14	THPT Nguyễn Hữu Thọ	4	25.25	25	0.25
15	Trung học thực hành Sài Gòn	5	33	32	1
16	THPT Hùng Vương	5	28.25	30	-1.75
17	Trung học Thực hành - ĐHSP	5	36.75	39.5	-2.75
18	THPT Trần Khai Nguyên	5	31	32	-1
19	THPT Trần Hữu Trang	5	22.5	22.75	-0.25
20	THPT Mạc Đĩnh Chi	6	33.75	36.75	-3
21	THPT Bình Phú	6	28.5	33	-4.5
22	THPT Nguyễn Tất Thành	6	26	28	-2
23	THPT Phạm Phú Thứ	6	23.25	24.75	-1.5
24	THPT Lê Thánh Tôn	7	27	26.25	0.75
25	THPT Tân Phong	7	21	20.5	0.5
26	THPT Ngô Quyền	7	30	30.75	-0.75
27	THPT Nam Sài Gòn	7	32	32	0
28	THPT Lương Văn Can	8	20.5	22.75	-2.25
29	THPT Ngô Gia Tự	8	20.25	21.25	-1
30	THPT Tạ Quang Bửu	8	23	23	0
31	THPT Nguyễn Văn Linh	8	19.75	17.75	2
32	THPT Võ Văn Kiệt	8	25.75	26.75	-1
33	THPT Chuyên Năng khiếu TDTT Nguyễn Thị Định	8	21.75	21.5	0.25
34	THPT Nguyễn Huệ	9	24.75	26	-1.25
35	THPT Phước Long	9	25.75	25.5	0.25
36	THPT Long Trường	9	19.5	21	-1.5
37	THPT Nguyễn Văn Tăng	9	16.75	19.25	-2.5
38	THPT Tăng Nhơn Phú A	9	17.75		17.75
39	THPT Nguyễn Khuyến	10	27.75	32.75	-5
40	THPT Nguyễn Du	10	31.5	32	-0.5
41	THPT Nguyễn An Ninh	10	24.25	24.75	-0.5
42	THCS-THPT Diên Hồng	10	22.75	23.5	-0.75
43	THCS-THPT Sương Nguyệt Anh	10	22.5	23	-0.5
44	THPT Nguyễn Hiền	11	27.75	29	-1.25
45	THPT Trần Quang Khải	11	25	24.75	0.25
46	THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa	11	24.25	24.25	0
47	THPT Võ Trường Toản	12	31	32.75	-1.75
48	THPT Trường Chinh	12	27.5	29.75	-2.25
49	THPT Thạnh Lộc	12	24.5	25.75	-1.25
50	THPT Thanh Đa	Bình Thạnh	23.5	25.5	-2
51	THPT Võ Thị Sáu	Bình Thạnh	29.75	33.25	-3.5
52	THPT Gia Định	Bình Thạnh	35.75	38.75	-3

STT	TÊN TRƯỜNG	QUẬN	ĐIỂM NV1 2019-2020	ĐIỂM NV1 2018-2019	ĐIỂM TĂNG/GIẢM
53	THPT Phan Đăng Lưu	Bình Thạnh	24.5	26.25	-1.75
54	THPT Trần Văn Giàu	Bình Thạnh	24	25.5	-1.5
55	THPT Hoàng Hoa Thám	Bình Thạnh	28.25	30.25	-2
56	THPT Gò Vấp	Gò Vấp	27	29.75	-2.75
57	THPT Nguyễn Công Trứ	Gò Vấp	31.25	37	-5.75
58	THPT Trần Hưng Đạo	Gò Vấp	30.5	33.75	-3.25
59	THPT Nguyễn Trung Trực	Gò Vấp	25.75	28	-2.25
60	THPT Phú Nhuận	Phú Nhuận	34.25	36.75	-2.5
61	THPT Hàn Thuyên	Phú Nhuận	24	25.25	-1.25
62	THPT Nguyễn Chí Thanh	Tân Bình	31	33.75	-2.75
63	THPT Nguyễn Thượng Hiền	Tân Bình	37.5	41	-3.5
64	THPT Nguyễn Thái Bình	Tân Bình	27.25	29.25	-2
65	THPT Nguyễn Hữu Huân	Thủ Đức	34	37.25	-3.25
66	THPT Thủ Đức	Thủ Đức	31.25	33	-1.75
67	THPT Tam Phú	Thủ Đức	26.5	28.25	-1.75
68	THPT Hiệp Bình	Thủ Đức	22.75	23.25	-0.5
69	THPT Đào Sơn Tây	Thủ Đức	19.75	21.5	
70	THPT Linh Trung	Thủ Đức	23.5	22.25	1.25
71	THPT Bình Chiểu	Thủ Đức	18		18
72	THPT Bình Chánh	Bình Chánh	19	20	-1
73	THPT Tân Túc	Bình Chánh	19.75	20.25	-0.5
74	THPT Vĩnh Lộc B	Bình Chánh	21.5	22.25	-0.75
75	THPT Năng khiếu TDTT huyện Bình Chánh	Bình Chánh	18.75	18	0.75
76	THPT Phong Phú	Bình Chánh	15		15
77	THPT Lê Minh Xuân	Bình Chánh	21.75	22.25	-0.5
78	THPT Đa Phước	Bình Chánh	16.75	16	0.75
79	THPT Bình Khánh	Cần Giờ	15.75	15	0.75
80	THPT Cần Thạnh	Cần Giờ	15.5	16.5	-1
81	THPT An Nghĩa	Cần Giờ	15	15	0
82	THPT Cù Chi	Cù Chi	23.5	22	1.5
83	THPT Quang Trung	Cù Chi	19.75	18.5	1.25
84	THPT An Nhơn Tây	Cù Chi	18.75	17	1.75
85	THPT Trung Phú	Cù Chi	23.25	22.5	0.75
86	THPT Trung Lập	Cù Chi	18	16.25	1.75
87	THPT Phú Hòa	Cù Chi	20.5	18.5	2
88	THPT Tân Thông Hội	Cù Chi	21.75	19.5	2.25
89	THPT Nguyễn Hữu cẩu	Hóc Môn	34	33.75	0.25
90	THPT Ly Thường Kiệt	Hóc Môn	30.5	30.25	0.25
91	THPT Bà Điểm	Hóc Môn	29	29	0
92	THPT Nguyễn Văn Cừ	Hóc Môn	23.75	23.25	0.5
93	THPT Nguyễn Hữu Tiến	Hóc Môn	27.5	27	0.5
94	THPT Phạm Văn Sáng	Hóc Môn	26.75	25.25	1.5
95	THPT Tân Hiệp	Hóc Môn	24.5		24.5
96	THPT Long Thoi	Nhà Bè	19.75	18.25	1.5
97	THPT Phước Kiển	Nhà Bè	19.75	18.75	1
98	THPT Dương Văn Dương	Nhà Bè	23.25	20	3.25
99	THPT Trần Phú	Tân Phú	35.25	38.25	-3
100	THPT Tân Bình	Tân Phú	30.25	33	-2.75
101	THPT Tây Thạnh	Tân Phú	31	33	-2
102	THPT Lê Trọng Tấn	Tân Phú	28.75	29.5	-0.75
103	THPT Vĩnh Lộc	Bình Tân	25.25	25.75	-0.5
104	THPT Nguyễn Hữu Cánh	Bình Tân	26	26.75	-0.75
105	THPT Bình Hưng Hòa	Bình Tân	26.5	26.75	-0.25
106	THPT Bình Tân	Bình Tân		24	
107	THPT An Lạc	Bình Tân		24.5	